TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS- ST
Ngày: 30/5/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Vương
Các Hội thẩm nhân: 1. Ông Huỳnh Kim Tuấn
2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quang N

Địa chỉ: Thôn L, xã Đức T, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14/01/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* Chị và anh Bùi Quang N kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vã nhau nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2008 đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm giữa vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn với anh Bùi Quang N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Quang T, sinh ngày 08/6/2007. Khi ly hôn chị giao con chung cho anh Ngọc nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn Bùi Quang N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82. 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Chị Lê Thị Thức và anh Bùi Quang N được ly hôn.

Giao con chung cho anh Ngọc nuôi dưỡng, chị Thức không cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Quang N đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giả; Quyết định đưa vụ án ra xét xử….) tuy nhiên anh N không đến Tòa án làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không

vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn anh Bùi Quang N

Nguyên đơn Lê Thị T và bị đơn Bùi Quang N kết hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ chung sống, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đơn

[2.2] Về con chung

Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Bùi Quang T, sinh ngày 08/6/2007. Khi ly hôn, nguyên đơn giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì hiện nay cháu T đang ở cùng bị đơn từ nhỏ đến nay. Để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu Trung, việc nguyên đơn tự nguyện giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3]Về việc cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung

Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung

Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[3] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Bùi Quang N.

2. Giao con chung tên Bùi Quang T, sinh ngày 08/6/2007 cho anh Bùi Quang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003812, ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Chị T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Kim Tuấn **Hoàng Triệu Nghĩa** **Phạm Minh Vương**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Kim Tuấn **Hoàng Triệu Nghĩa** **Phạm Minh Vương**